TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 128/2023/DS-PT
Ngày 14-4-2023
V/v tranh chấp thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Bích Diệp.

Các Thẩm phán: Ông Bùi Văn Tâm.

Bà Huỳnh Thị Thanh Tuyền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hùng Cường - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Phước – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 07 và 14 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 297/2022/TLPT-DS ngày 02 tháng 11 năm 2022 về việc "Tranh chấp thừa kế tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 99/2022/DS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 58/2023/QĐPT-DS, ngày 16 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Kha Hoàng L, sinh năm 1977; địa chỉ: số C (số C), đường C, tổ D, khu phố D, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Đoàn Thị Huyền T, sinh năm 1995; địa chỉ: số D, Đại lộ B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 04/01/2021); có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Nguyễn Doãn H, Luật sư Công ty L6 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh B; có mặt.

- *Bị đơn*: Bà Kha Thị Hoàng O, sinh năm 1968; cư trú tại: số nhà C (số C), đường C, tổ D, khu phố D (nay là khu phố C), phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

3.1. Ông Kha Hoàng P, sinh năm 1963; cư trú tại: F, Aitren Close Pownall Roab Hockiey E8 E; vắng mặt.

3.2. Ông Kha Hoàng T1, sinh năm 1964; có mặt.

3.3. Bà Phạm Bích L1, sinh năm 1963; vắng mặt.

Cùng cư trú tại: số nhà B, đường C, tổ B (nay là số nhà C, đường C, tổ D), khu phố C, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

3.4. Bà Kha Thị Hoàng T2, sinh năm 1966; cư trú tại: số nhà C (số C), đường C, tổ D, khu phố D (nay là khu phố C), phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có mặt.

3.5. Bà Kha Thị Hồng L2, sinh năm 1971; cư trú tại: số nhà F, đường N, tổ E, khu phố D (số C, tổ D, khu phố E), phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có mặt.

- *Người kháng cáo*: Nguyên đơn ông Kha Hoàng L3, bị đơn bà Kha Thị Hoàng O, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Kha Hoàng T3, bà Kha Thị Hoàng T2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 01 tháng 10 năm 2020, đơn khởi kiện bổ sung ngày 30 tháng 11 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Kha Hoàng L3 do người đại diện hợp pháp là bà Đoàn Thị Huyền T trình bày:

- Cha mẹ ông Kha Hoàng L3 là cụ Kha S, sinh năm 1930, chết năm 1999 và cụ Lê Thị Ngọc L4, sinh năm 1939, chết năm 2009. Cụ S và cụ L4 có 06 người con gồm: Ông Kha Hoàng P, sinh năm 1963; ông Kha Hoàng T3, sinh năm 1964; bà Kha Thị Hoàng T2, sinh năm 1966; bà Kha Thị Hoàng O, sinh năm 1968; bà Kha Thị Hồng L2, sinh năm 1971 và ông Kha Hoàng L3, sinh năm 1977.

Khi còn sống, cụ S và cụ L4 có tạo dựng được 02 phần đất, cụ thể:

- Quyền sử dụng đất có diện tích đo đạc thực tế là 117,6m^2, tại số nhà C (số cũ K), đường C, tổ D, khu phố D (nay là khu phố C), phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương, theo Giấy chứng nhận đã đăng ký ruộng đất số 716, 706/ĐKRĐ ngày 25/10/1983 của Ủy ban nhân dân phường H mang tên cụ Kha S; cùng tài sản gắn liền với đất là một căn nhà cấp 4 do cụ Kha S và cụ Lê Thị Ngọc L4 xây dựng có diện tích khoảng 108m^2, kết cấu: tường gạch, mái tole. Phần đất này hiện nay bà Kha Thị Hoàng O là người trực tiếp quản lý sử dụng.

- Quyền sử dụng đất có diện tích 72m^2, tại số nhà B, đường C, tổ B (nay là số nhà C, đường C, tổ D), khu phố C, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 137… QSDĐ do Uỷ ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương cấp ngày 01/07/1998 mang tên cụ Lê Thị Ngọc L4. Phần đất này hiện nay do ông Kha Hoàng T1 trực tiếp quản lý, sử dụng.

Nay, ông Kha Hoàng L3 yêu cầu chia tất cả di sản nêu trên thành 06 phần bằng nhau, ông L3 yêu cầu được hưởng 01 kỷ phần và nhận bằng giá trị là tiền.

2. Bị đơn bà Kha Thị Hoàng O trình bày: Bà O thống nhất với lời trình bày bên phía ông Kha Hoàng L3 về cha mẹ, năm sinh và năm mất; thống nhất về hàng thừa kế và thống nhất về các tài sản mà cha mẹ bà O để lại như lời trình bày bên phía ông L3; 02 phần đất này do bà O quản lý, sử dụng một phần và ông T1 đang quản lý, sử dụng một phần.

Riêng đối với phần đất có diện tích đo đạc thực tế là 117,6m^2, tại số nhà C (số cũ K), đường C, tổ D, khu phố D (nay là khu phố C), phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương, theo Giấy chứng nhận đã đăng ký ruộng đất số 716, 706/ĐKRĐ ngày 25/10/1983 của Ủy ban nhân dân phường H mang tên cụ Kha S; cùng tài sản gắn liền với đất là một căn nhà cấp 04 do cụ Kha S và cụ Lê Thị Ngọc L4 xây dựng có diện tích khoảng 108m^2, kết cấu: tường gạch, mái tole. Phần đất này hiện nay bà O là người trực tiếp quản lý sử dụng thì bà O yêu cầu chia làm 09 phần, mỗi người con được hưởng 1 phần; 03 phần còn lại bà O yêu cầu được hưởng, cụ thể: một phần là công sức gìn giữ tài sản của bà O, 02 phần còn lại là tạm ứng sinh hoạt phí, thuốc men, hậu sự khi cha mẹ còn sống và khi cha mẹ chết.

Đối với phần đất có diện tích 72m^2, tại số nhà B, đường C, tổ B (nay là số nhà C, đường C, tổ D), khu phố C, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 137… QSDĐ do Uỷ ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương cấp ngày 01/07/1998 mang tên cụ Lê Thị Ngọc L4. Phần đất này hiện nay do ông Kha Hoàng T1 quản lý, sử dụng. Bà O yêu cầu chia làm 09 phần, mỗi người con được hưởng 1 phần; 03 phần còn lại bà O yêu cầu được hưởng 02 phần, cụ thể: một phần là công sức gìn giữ tài sản của ông T1 thì giao cho ông T1, 02 phần còn lại là phần của bà O vì đây là tạm ứng sinh hoạt phí, thuốc men, hậu sự khi cha mẹ còn sống và khi cha mẹ chết.

Bà O đề nghị ông L3 chứng minh việc bà O không đồng ý chia đất. Việc ông L3 yêu cầu nhận bằng tiền thì ai là người phải thanh toán số tiền này cho ông L3.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Kha Hoàng T1 và bà Phạm Bích L1 trình bày: Ông T1 thống nhất với lời trình bày của ông L3 và bà O về cha mẹ, năm sinh, năm mất; thống nhất về các tài sản mà cha mẹ ông T1 để lại như lời trình bày bên phía ông L3 và bà O; 02 phần đất này do bà O quản lý, sử dụng một phần và ông T1 đang quản lý, sử dụng một phần.

Đối với phần đất có diện tích đo đạc thực tế là 117,6m^2, tại số nhà C (số cũ K), đường C, tổ D, khu phố D (nay là khu phố C), phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương, theo Giấy chứng nhận đã đăng ký ruộng đất số 716, 706/ĐKRĐ ngày 25/10/1983 của Ủy ban nhân dân phường H mang tên cụ Kha S; cùng tài sản gắn liền với đất là một căn nhà cấp 04 do cụ Kha S và cụ Lê Thị

Ngọc L4 xây dựng có diện tích khoảng 108m^2, kết cấu: tường gạch, mái tole. Phần đất này hiện nay bà O là người trực tiếp quản lý sử dụng thì ông T1 thống nhất cách chia như lời trình bày của bà O, chia phần đất này làm 09 phần, mỗi người con được hưởng một phần; 03 phần còn lại bà O được hưởng do có công sức gìn giữ tài sản và tạm ứng sinh hoạt phí, thuốc men, hậu sự khi cha mẹ còn sống, cũng như khi cha mẹ chết.

Đối với phần đất có diện tích 72m^2, tại số nhà B, đường C, tổ B (nay là số nhà C, đường C, tổ D), khu phố C, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 137… QSDĐ do Uỷ ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương cấp ngày 01/07/1998 mang tên cụ Lê Thị Ngọc L4. Phần đất này hiện nay do ông Kha Hoàng T1 quản lý sử dụng. Phần nhà là tài sản của vợ chồng ông T1, bà L1 nên không thể chia; riêng phần đất thì ông T1 yêu cầu chia làm 08 phần, mỗi người con được hưởng một phần, 02 phần còn lại là công sức đóng góp, gìn giữ của ông T1 và công nuôi dưỡng cha mẹ khi cha mẹ còn sống.

3.2. Bà Kha Thị Hoàng T2 trình bày: Bà T2 thống nhất với lời trình bày của ông L3, bà O, ông T1 và bà L1 về cha mẹ, năm sinh, năm mất; thống nhất về các tài sản mà cha mẹ bà T2 để lại như lời trình bày bên phía ông L3 và bà O, ông T1 và bà L1; 02 phần đất này hiện do bà O quản lý, sử dụng một phần và ông T1 đang quản lý, sử dụng một phần.

Đối với phần đất có diện tích đo đạc thực tế là 117,6m^2, tại số nhà C (số cũ K), đường C, tổ D, khu phố D (nay là khu phố C), phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương, theo Giấy chứng nhận đã đăng ký ruộng đất số 716, 706/ĐKRĐ ngày 25/10/1983 của Ủy ban nhân dân phường H mang tên cụ Kha S; cùng tài sản gắn liền với đất là một căn nhà cấp 4 do cụ Kha S và cụ Lê Thị Ngọc L4 xây dựng có diện tích khoảng 108m^2, kết cấu: tường gạch, mái tole. Phần đất này hiện nay bà Kha Thị Hoàng O là người trực tiếp quản lý sử dụng thì bà T2 thống nhất cách chia như lời trình bày của bà O, chia phần đất này làm 09 phần, mỗi người con được hưởng 1 phần; 03 phần còn lại bà O được hưởng do có công sức gìn giữ tài sản và tạm ứng sinh hoạt phí, thuốc men khi cha mẹ còn sống và lo hậu sự khi cha mẹ chết.

Đối với phần đất có diện tích 72m^2, tại số nhà B, đường C, tổ B (nay là Số nhà C, đường C, tổ D), khu phố C, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 137… QSDĐ do Uỷ ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương cấp ngày 01/07/1998 mang tên cụ Lê Thị Ngọc L4. Phần đất này hiện nay do ông Kha Hoàng T1 đang quản lý, sử dụng. Đối với diện tích đất này, bà T2 yêu cầu chia làm 09 phần, mỗi người con được hưởng một phần, 03 phần còn lại là công sức đóng góp, gìn giữ của ông T1 thì ông T1 được hưởng một phần, một phần cho ông T1 do có công nuôi dưỡng cha mẹ, một phần là chi phí thuốc men bà O bỏ ra nên giao cho bà O.

3.3. Bà Kha Thị Hồng L2 trình bày: Bà L2 thống nhất với lời trình bày của ông L3 và bà O về cha mẹ, năm sinh, năm mất; thống nhất về các tài sản mà

cha mẹ bà L2 để lại như lời trình bày bên phía ông L3 và bà O; 02 phần đất này do bà O quản lý, sử dụng một phần và ông T1 đang quản lý, sử dụng một phần.

Nay, trước yêu cầu khởi kiện của ông L3 thì bà L2 yêu cầu chia các tài sản này thành 06 phần, mỗi người con được hưởng một phần. Riêng, đối với phần thuốc men mà bà O đã bỏ ra mua cho cha mẹ khi còn sống thì bà O đưa ra số tiền và mỗi người con góp lại để trả.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 99/2022/DS-ST ngày 12/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương, tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Kha Hoàng L3 về việc "Tranh chấp thừa kế tài sản" đối với bị đơn bà Kha Thị Hoàng O.

1.1. Chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất có diện tích đo đạc thực tế 117,6m^2, tại số nhà C (số cũ K), đường C, tổ D, khu phố D (nay là khu phố C), phường H; cùng căn nhà cấp 4 có diện tích 86,9m^2 gắn liền với đất và quyền sử dụng đất có diện tích 72m^2, tại số nhà B, đường C, phường H, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp Giấy chứng nhận 137…QSDĐ/…, do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) T cấp ngày 01/7/1998 mang tên cụ Lê Thị Ngọc L4. Cụ thể như sau:

1.1.1. Giao cho bà Kha Thị Hoàng O phần đất có diện tích đo đạc thực tế 117,6m^2, tại số nhà C (số cũ K), đường C, tổ D, khu phố D (nay là khu phố C), phường H, cùng căn nhà cấp 4 gắn liền với đất có diện tích 86,9m^2, kết cấu: Tường gạch xây tô, mái tole, nền gạch hoa + xi măng; phần đất có tứ cận:

- Phía Đông giáp đường hẻm bê tông dài 0,3m, 2,66m;

- Phía Tây giáp đường C dài 3,39m;

- Phía Nam giáp đường hẻm bê tông dài 9,12m, 2,67m, 3,63m, 8,84m, 12,16m;

- Phía Bắc giáp đất ông Nguyễn Thanh D dài: 38,19m.

(Có sơ đồ kèm theo).

Tổng giá trị tài sản bà Kha Thị Hoàng O được chia giao là: 7.778.912.250 đồng (bảy tỷ bảy trăm bảy mươi tám triệu chín trăm mười hai nghìn hai trăm năm mươi đồng).

1.1.2. Giao cho ông K Hoàng Tâm phần đất có diện tích 72m^2, tại số nhà B, đường C, tổ B (nay là số nhà C, đường C, tổ D), khu phố C, phường H, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp Giấy chứng nhận 137…QSDĐ/…, do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) T cấp ngày 01/7/1998 mang tên cụ Lê Thị Ngọc L4; đất có tứ cận:

- Phía Đông giáp đất ông Nguyễn Minh V dài 06m;

- Phía Tây giáp đường hẻm bê tông dài 06m;

- Phía Nam giáp đất ông Nguyễn Minh V dài 12m;

- Phía Bắc giáp đất ông Phạm Gia B dài 12m.

(Có sơ đồ kèm theo).

Tổng giá trị tài sản ông Kha Hoàng T3 được chia giao là: 1.584.000.000 đồng (một tỷ năm trăm tám mươi bốn triệu đồng).

1.2. Cân đối giá trị tài sản được giao và được nhận, buộc bà Kha Thị Hoàng O có trách nhiệm trả cho ông Kha Hoàng L3 số tiền 1.337.558.892 đồng (một tỷ ba trăm ba mươi bảy triệu năm trăm năm mươi tám nghìn tám trăm chín mươi hai đồng); trả cho bà Kha Thị Hoàng L5 số tiền 1.337.558.892 đồng (một tỷ ba trăm ba mươi bảy triệu năm trăm năm mươi tám nghìn tám trăm chín mươi hai đồng) và trả cho bà Kha Thị Hoàng T2 số tiền 1.317.404.040 đồng (một tỷ ba trăm mười bảy triệu bốn trăm lẻ bốn nghìn không trăm bốn mươi đồng). Ông Kha Hoàng T1 có trách nhiệm trả cho bà Kha Thị Hoàng T2 số tiền 20.155.394 đồng (hai mươi triệu một trăm năm mươi lăm nghìn ba trăm chín mươi bốn đồng).

1.3. Tạm giao số tiền 1.337.558.892 đồng (một tỷ ba trăm ba mươi bảy triệu năm trăm năm mươi tám nghìn tám trăm chín mươi hai đồng) tương đương với phần thừa kế ông Kha Hoàng P được nhận cho bà Kha Thị Hoàng O quản lý và bà Kha Thị Hoàng O có trách nhiệm hoàn trả lại cho ông Kha Hoàng P khi ông Kha Hoàng P có yêu cầu.

1.4. Bà Kha Thị Hoàng O tự liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất có diện tích đo đạc thực tế 117,6m^2, tại số nhà C (số cũ K), đường C, tổ D, khu phố D (nay là khu phố C), phường H được chia giao. Ông Kha Hoàng T1 có trách nhiệm tự liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được sang tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất được chia giao là 72m^2, tại số nhà B, đường C, tổ B (nay là số nhà C, đường C, tổ D), khu phố C, phường H từ tên cụ Lê Thị Ngọc L4 sang tên ông Kha Hoàng T3.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 12/9/2022, nguyên đơn ông Kha Hoàng L3, bị đơn bà Kha Thị Hoàng O, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Kha Thị Hoàng T2 và ông Kha Hoàng T3 kháng cáo một phần bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự không thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền lợi ích của nguyên đơn: Sau khi Tòa án cấp sơ thẩm xử, nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Kha Hoàng T3, bà Kha Thị Hoàng T2 kháng cáo một phần bản án sơ thẩm. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế tài sản là có căn cứ và hàng thừa kế gồm có 06 người là đúng sự thật tuy nhiên các bên đương sự chưa thống nhất cách chia. Xét thấy bị đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chia 9 phần là cho bị đơn thêm 03 phần là do bị đơn có công sức chăm sóc nuôi dưỡng cha mẹ là không hợp lý. Bởi vì nghĩa vụ của con phải lo cho cha mẹ khi tuổi già nên không thể yêu cầu chia phần nhiều hơn. Mặc khác nhà của cha mẹ nhưng bị đơn được ở còn nguyên đơn phải ở nhà thuê.Tại phiên tòa bị đơn xác định phải bán tài sản này để thanh toán tiền cho các đồng thời kế như vậy Tòa án cấp sơ thẩm

giao tài sản cho bị đơn là không phù hợp theo quy định tại Điều 660 Bộ luật Dân sự nên Tòa án phải tuyên xử bán để chia. Vì vậy kháng cáo của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận và kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có căn cứ chấp nhận. Đề nghị sửa một phần bản án sơ thẩm chia 06 kỷ phần và bán tài sản để chia. Đối với kỷ phần thừa kế của ông P thì các đương sự thống nhất tại Tòa án phúc thẩm giao cho các đồng thừa kế quản lý.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Về thủ tục tố tụng, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn rút một phần yêu cầu kháng cáo đối với số tiền đo đạc, định giá nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu kháng cáo. Đồng thời các đương sự thống nhất giao kỷ phần thừa kế của ông P cho các đương sự cùng quản lý nên ghi nhận sự tự nguyện, đối với các phần kháng cáo khác của nguyên đơn và bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên là không có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan yêu cầu Tòa án chia cho bị đơn nhận thêm 02 kỷ phần thừa kế đối với việc chi phí viện phí của cha và mẹ khi cha, mẹ nằm viện nhưng bị đơn không có chứng cứ chứng minh. Nguyên đơn kháng cáo cho rằng chỉ chia tài sản cho 6 đồng thừa kế thành 06 phần bằng nhau, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm chia thêm cho bị đơn một phần công sức gìn giữ tài sản là có căn cứ, bởi vì từ trước đến nay bị đơn ở chung với cha, mẹ có công sức gìn giữ đất nên kháng cáo của nguyên đơn không có căn cứ chấp nhận. Tòa án cấp sơ thẩm xử hoàn toàn có căn cứ nên kháng cáo của các đương sự không có cơ sở chấp nhận tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử sử một phần bản án sơ thẩm như đã phân tích trên giao kỷ phần thừa kế của ông P cho các đồng thừa kế khác quản lý.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Luật sư và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế tài sản của cụ Kha S, sinh năm 1930, chết năm 1999 và cụ Lê Thị Ngọc L4, sinh năm 1939, chết năm 2009 để lại đối với 02 phần đất, cụ thể: phần đất diện tích đo đạc thực tế l 117,6m^2, tại số nhà C (số cũ K), đường C, tổ D, khu phố D (nay là khu phố C), phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương, theo Giấy chứng nhận đăng ký ruộng đất số 716, 706/ĐKRĐ ngày 25/10/1983 của Ủy ban nhân dân phường H mang tên cụ K Siêu gắn liền một căn nhà cấp 4 do cụ Kha S và cụ Lê Thị Ngọc L4 xây dựng có diện tích khoảng 108m^2, kết cấu: tường gạch xây tô, mái tole, nền gạch hoa + xi măng. Phần đất này hiện nay bà Kha Thị Hoàng O là người trực tiếp quản lý sử dụng và phần đất có diện tích 72m^2, tại số nhà B, đường C, tổ B (nay là số nhà C, đường C, tổ D), khu phố C, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 137… QSDĐ do Uỷ ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương cấp ngày 01/07/1998 mang tên cụ Lê Thị Ngọc L4, cho 06 người con gồm có

ông Kha Hoàng P, sinh năm 1963; ông Kha Hoàng T3, sinh năm 1964; bà Kha Thị Hoàng T2, sinh năm 1966; bà Kha Thị Hoàng O, sinh năm 1968; bà Kha Thị Hồng L2, sinh năm 1971 và ông Kha Hoàng L3, sinh năm 1977.

Các đương sự đều thống nhất di sản của cha, mẹ chết để lại là 02 phần đất nêu trên và các đồng thừa kế gồm 06 người, như vậy sự thừa nhận của các đương sự là tình tiết chứng cứ không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời các đương sự cũng thống nhất chia tuy nhiên chưa thống nhất với nhau về cách chia, ông L3 và bà L2 thống nhất chia khối tài sản trên thành 06 phần và mỗi người con được nhận một phần; còn bà O và bà T2 thì đề nghị phân chia như sau: Đối với phần đất và tài sản gắn liền với đất hiện bà O đã quản lý, sử dụng thì chia làm 09 phần, mỗi người con được hưởng 1 phần, 03 phần còn lại bà O yêu cầu được hưởng, cụ thể: một phần là công sức gìn giữ tài sản của bà O, 02 phần còn lại là tạm ứng sinh hoạt phí, thuốc men cho cha mẹ khi cha mẹ còn sống, lo hậu sự cho cha mẹ khi cha mẹ chết; đối với phần đất ông T3 đang quản lý, sử dụng thì chia làm 09 phần, mỗi người con được hưởng 1 phần; 03 phần còn lại bà O yêu cầu được hưởng 02 phần, cụ thể: một phần là công sức gìn giữ tài sản của ông T3 thì giao cho ông T3, 02 phần còn lại là phần của bà O vì đây là tạm ứng sinh hoạt phí, thuốc men, hậu sự cho cha mẹ. Còn ông T3 thì đề nghị phân chia như sau: Đối với phần đất và căn nhà gắn liền với đất hiện bà O đang quản lý, sử dụng thì ông T3 thống nhất cách phân chia như lời trình bày của bà O, chia phần đất này làm 09 phần, mỗi người con được hưởng một phần, 03 phần còn lại bà O được hưởng do có công sức gìn giữ tài sản và tạm ứng sinh hoạt phí, thuốc men, hậu sự cho cha mẹ; đối với phần đất ông T3 đang quản lý, sử dụng thì ông T3 yêu cầu chia làm 08 phần, mỗi người con được hưởng một phần, 02 phần còn lại là công sức đóng góp, gìn giữ của ông T3 và công nuôi dưỡng cha mẹ.

Như vậy, mặc dù các đương sự đã thống nhất được với nhau về di sản do cụ S và cụ L4 chết để lại, tuy nhiên các đương sự không thống nhất được với nhau về cách phân chia di sản. Theo quy định tại Điều 610 của Bộ luật Dân sự thì "*Mọi cá nhân đều bình đẳng về quyền để lại tài sản của mình cho người khác và quyền hưởng di sản theo di chúc hoặc theo pháp luật*", khoản 2 Điều 651 của Bộ luật Dân sự quy định: "*Những người thừa kế cùng hàng được hưởng phần di sản bằng nhau*". Do đó, di sản thừa kế của cụ S và cụ L4 sẽ được chia đều cho các đồng thừa kế; các đương sự đã thống nhất hàng thừa kế thứ nhất của cụ S và cụ L4 là 06 người (trong đó có một người thừa kế đang ở nước ngoài), trong những người được hưởng thừa kế còn lại, không có ai từ chối nhận di sản và không có ai thuộc trường hợp không được quyền hưởng di sản theo quy định tại Điều 620, Điều 621 của Bộ luật Dân sự. Tuy nhiên, trước khi chia cần tính công sức đóng góp cho người quản lý di sản là bà O và ông T3. Cần chia khối di sản này thành 07 phần, mỗi hàng thừa kế được hưởng một phần và một phần là công sức chăm sóc cha mẹ khi cha mẹ còn sống và công sức đóng góp của người quản lý di sản. Do đó, việc ông L3 và bà L2 yêu cầu chia làm 06 phần cho 06 người thừa kế mà không tính công sức giữ gìn cho người đang quản lý là không phù hợp với Điều 618 của Bộ luật Dân sự. Đối với yêu cầu của bà O, và bà T2 chia

09 phần và yêu cầu của ông T3 chia 08 phần là không phù hợp nên không có căn cứ chấp nhận.

Theo biên bản định giá tài sản ngày 19/8/2022 thì phần đất 117,6m^2 có giá trị 7.644.000.000 đồng, căn nhà diện tích 86,9m^2, giá trị: 134.912.250 đồng. tổng giá trị đất và tài sản gắn liền với đất là 7.778.912.250 đồng. Mỗi người thừa kế sẽ được nhận kỷ phần tương đương với giá trị 1.111.273.178 đồng. Riêng bà O được nhận thêm một phần cho công sức đóng góp, quản lý giữ gìn tài sản có giá trị 1.111.273.178 đồng.

Đối với phần đất diện tích 72m^2 có giá trị 1.584.000.000 đồng (căn nhà gắn liền với đất thuộc quyền sở hữu của vợ chồng ông T3, bà L1). Mỗi người thừa kế sẽ được nhận kỷ phần tương đương với giá trị 226.285.714 đồng. Riêng, ông T3 được nhận thêm một phần cho công sức đóng góp quản lý giữ gìn tài sản có giá trị 226.285.714 đồng. Như vậy, những người thừa kế gồm ông L3, ông P, bà T2 và bà L2 mỗi người sẽ được nhận phần thừa kế có giá trị: 1.337.558.892 đồng (1.111.273.178 đồng + 226.285.714 đồng = 1.337.558.892 đồng). Bà O được nhận phần thừa kế và công sức đóng góp tổng giá trị: 2.448.832.070 đồng; ông T3 được nhận phần thừa kế và công sức đóng góp có tổng giá trị là 1.563.844.606 đồng.

Do phần đất 117,6m^2 gắn liền căn nhà có diện tích 86,9m^2 không thể phân chia bằng hiện vật và ông L3 cũng đồng ý nhận bằng giá trị nên cần giao cho bà O tiếp tục được quản lý, sử dụng thì bà O có trách nhiệm thanh toán lại giá trị cho các đồng thừa kế.

Đối với phần đất có diện tích 72m^2 do từ trước tới nay ông T3 là người quản lý, sử dụng và vợ chồng ông T3, bà L1 đã xây dựng nhà trên đất và ông L3 cũng đồng ý nhận kỷ phần bằng giá trị nên cần giao cho ông T3 được tiếp tục quản lý, sử dụng và ông T3 có trách nhiệm trách nhiệm thanh toán lại giá trị cho các đồng thừa kế.

Cân đối giá trị tài sản được chia giao và được nhận: Buộc bà O phải thanh toán cho ông L3 số tiền 1.337.558.892 đồng; thanh toán cho bà L2 số tiền 1.337.558.892 đồng và thanh toán cho bà T2 số tiền 1.317.404.040 đồng; ông T3 có trách nhiệm thanh toán cho bà T2 số tiền 20.155.394 đồng.

Đối với phần thừa kế của ông P có giá trị 1.337.558.892 đồng, do ông P ở nước ngoài và không xác định được địa chỉ thì các đương sự thống nhất giao cho các đồng thừa kế cùng quản lý.

Ông L3 kháng một phần bản án sơ thẩm về phần chi phí đo đạc và định giá nhưng tại phiên tòa người đại diện của ông L3 rút yêu cầu kháng cáo nên Hội đồng xét xử đình chỉ. Đối với kỷ phần của ông P thì các đồng thừa kế cùng quản lý nên các đồng thừa kế phải nộp án phí.

Ông L3 kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm là chia di sản thành 06 kỷ phần bằng nhau, bà O yêu cầu chia 09 phần và ông T3 yêu cầu chia 08 phần là không có căn cứ, các đương sự kháng cáo nhưng không đưa ra chứng cứ mới nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các

đương sự. Các đương sự thống nhất kỷ phần thừa kế của ông P giao cho các đồng thừa kế quản lý nên cần sửa một phần bản án sơ thẩm. Đối với số tiền tạm ứng án phí 12.000.000 đồng của nguyên đơn nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không khấu trừ vào tiền án phí mà nguyên đơn phải nộp là có thiếu sót nên cần sửa bản án sơ thẩm.

Ý kiến của Luật sư bảo vệ, quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận một phần.

Ý kiến của Kiểm sát viên là có căn cứ chấp nhận.

Án phí dân sự phúc thẩm: các đương sự không phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 2 Điều 308 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí.

Tuyên xử;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Kha Hoàng L3, bị đơn bà Kha Thị Hoàng O và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Kha Thị Hoàng T2 và ông Kha Hoàng T3.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu kháng cáo của ông Kha Hoàng L3 về chi phí định giá, đo đạc tài sản tranh chấp.

2. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 99/2022/DS-ST ngày 12/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

2.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Kha Hoàng L3 về việc "Tranh chấp thừa kế tài sản" đối với bị đơn bà Kha Thị Hoàng O.

2.1. Chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất có diện tích đo đạc thực tế 117,6m^2, gắn liền căn nhà cấp 4 có diện tích 86,9m^2, tọa lạc số nhà C (số cũ K), đường C, tổ D, khu phố D (nay khu phố C), phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương và quyền sử dụng đất có diện tích 72m^2, tại số nhà B, đường C, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp Giấy chứng nhận 137…QSDĐ/…, do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) T cấp ngày 01/7/1998 mang tên cụ Lê Thị Ngọc L4. Cụ thể như sau:

1.1.1 Giao cho bà Kha Thị Hoàng O được quyền quản lý, sử dụng phần đất diện tích đo đạc thực tế 117,6m^2 gắn liền căn nhà cấp 4 diện tích 86,9m^2 (kết cấu: tường gạch xây tô, mái tole, nền gạch hoa + xi măng), tọa lạc số nhà C (số cũ K), đường C, tổ D, khu phố D (nay là khu phố C), phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Phần đất có tứ cận:

- Phía Đông giáp đường hẻm bê tông dài 0,3m, 2,66m;

- Phía Tây giáp đường C dài 3,39m;

- Phía Nam giáp đường hẻm bê tông dài 9,12m, 2,67m, 3,63m, 8,84m, 12,16m;

- Phía Bắc giáp đất ông Nguyễn Thanh D dài: 38,19m.

(Có sơ đồ kèm theo).

Tổng giá trị tài sản bà Kha Thị Hoàng O được chia giao là: 7.778.912.250 (bảy tỷ, bảy trăm bảy mươi tám triệu, chín trăm mười hai nghìn, hai trăm năm mươi) đồng.

1.1.2. Giao cho ông Kha Hoàng T3 được quyền quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 72m^2, gắn liền căn nhà, tọa lạc tại số nhà B, đường C, tổ B (nay là Số nhà C, tổ D), khu phố C, phường H, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp Giấy chứng nhận 137…QSDĐ/…, do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) T cấp ngày 01/7/1998 mang tên cụ Lê Thị Ngọc L4. Phần đất có tứ cận:

- Phía Đông giáp đất ông Nguyễn Minh V dài 06m;

- Phía Tây giáp đường hẻm bê tông dài 06m;

- Phía Nam giáp đất ông Nguyễn Minh V dài 12m;

- Phía Bắc giáp đất ông Phạm Gia B dài 12m.

(Có sơ đồ kèm theo).

Tổng giá trị tài sản ông Kha Hoàng T3 được chia giao là: 1.584.000.000 (một tỷ năm trăm tám mươi bốn triệu) đồng.

1.2. Buộc bà Kha Thị Hoàng O có trách nhiệm thanh toán kỷ phần thừa kế cho ông Kha Hoàng L3 số tiền 1.337.558.892 (một tỷ ba trăm ba mươi bảy triệu năm trăm năm mươi tám nghìn tám trăm chín mươi hai) đồng.

Buộc bà Kha Thị Hoàng O có trách nhiệm thanh toán kỷ phần thừa kế cho bà Kha Thị Hồng L2 số tiền 1.337.558.892 (một tỷ ba trăm ba mươi bảy triệu năm trăm năm mươi tám nghìn tám trăm chín mươi hai) đồng.

Buộc bà Kha Thị Hoàng O có trách nhiệm thanh toán kỷ phần thừa kế cho ông thanh toán cho bà Kha Thị Hoàng T2 số tiền 1.317.404.040 (một tỷ ba trăm mười bảy triệu bốn trăm lẻ bốn nghìn không trăm bốn mươi) đồng.

Buộc ông Kha Hoàng T1 có trách nhiệm thanh toán cho bà Kha Thị Hoàng T2 số tiền 20.155.394 (hai mươi triệu một trăm năm mươi lăm nghìn ba trăm chín mươi bốn đồng) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

1.3. Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự thống nhất tạm giao số tiền 1.337.558.892 (một tỷ ba trăm ba mươi bảy triệu năm trăm năm mươi tám nghìn tám trăm chín mươi hai) đồng tương đương kỷ phần thừa kế của ông Kha Hoàng P được nhận cho bà Kha Thị Hoàng O, ông Kha Hoàng L3, bà Kha Thị Hoàng T2, bà Kha Thị Hồng L2 và ông Kha Hoàng T3 cùng quản lý.

Bà Kha Thị Hoàng O, ông Kha Hoàng L3, bà Kha Hoàng T2, bà Kha Thị Hồng L2 và ông Kha Hoàng T3 có trách nhiệm hoàn trả lại số tiền 1.337.558.892 (một tỷ ba trăm ba mươi bảy triệu năm trăm năm mươi tám nghìn tám trăm chín mươi hai) đồng cho ông Kha Hoàng P khi ông Kha Hoàng P có yêu cầu.

1.4. Bà Kha Thị Hoàng O có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích đo đạc thực tế 117,6m^2, tại số nhà C (số cũ K), đường C, tổ D, khu phố D (nay là khu phố C), phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Ông Kha Hoàng T1 có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 72m^2, tại số nhà B, đường C, tổ B (nay là Số nhà C, đường C, tổ D), khu phố C, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Kiến nghị Ủy ban nhân dân thành phố T thu hồi Giấy chứng nhận quyến sử sụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận 137…QSDĐ/…, do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) T cấp ngày 01/7/1998 mang tên cụ Lê Thị Ngọc L4 để cấp lại cho bà Kha Thị Hoàng O và ông Kha Hoàng T3.

3. Về chi phí đo đạc, định giá: Ông Kha Hoàng L tự nguyện nộp số tiền 4.908.729 đồng, được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng tại Tòa án cấp sơ thẩm.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

4.1. Ông Kha Hoàng L3 phải nộp số tiền 52.126.800 (năm mươi hai triệu một trăm hai mươi sáu nghìn tám trăm) đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng 12.000.000 đồng theo Biên lai số 0050909 ngày 10/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố T. Ông Kha Hoàng L3 còn phải nộp số tiền 40.126.800 (bốn mươi triệu một trăm hai mươi sáu nghìn tám trăm) đồng.

Bà Kha Thị H1 và bà Kha Thị Hồng L2 mỗi người phải nộp số tiền 52.126.800 (năm mươi hai triệu, một trăm hai mươi sáu nghìn, tám trăm) đồng.

- Bà Kha Thị Hoàng O phải nộp số tiền 80.976.500 đồng (tám mươi triệu chín trăm bảy mươi sáu nghìn năm trăm)

- Ông Kha Hoàng T1 phải nộp số tiền 58.915.400 (năm mươi tám triệu chín trăm mười lăm nghìn bốn trăm) đồng.

Ông Kha Hoàng L3, bà Kha Thị Hoàng O, bà Kha Thị Hoàng T2, Kha Hoàng T1 và bà Kha Thị Hồng L2 cùng liên đới nộp số tiền 52.126.800 (năm mươi hai triệu một trăm hai mươi sáu nghìn tám trăm) đồng là kỷ phần thừa kế của ông Kha Hoàng P.

4.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn ông Kha Hoàng L3, bị đơn bà Kha Thị Hoàng O và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Kha Thị Hoàng T2 và Kha Hoàng T1 không phải nộp.

- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T hoàn trả cho ông Kha Hoàng L3 số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền số 0000168 ngày 29/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T.

Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T hoàn trả cho bà Kha Thị Hoàng O số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền số 0000147 ngày 20/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T.

Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T hoàn trả cho bà Kha Thị Hoàng T2 số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền số 0000149 ngày 20/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T.

Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T hoàn trả cho Kha Hoàng T3 số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền số 0000148 ngày 20/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố T;
- TAND thành phố T;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, HSVA, Tòa Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Ngô Thị Bích Diệp